



**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU DOANH NGHIỆP HÀNG
ĐẦU VINACAPITAL (VINACAPITAL-VEOF)**

ĐIỀU LỆ QUỸ

Tháng 05 năm 2026



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	6
III. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ.....	9
CHƯƠNG I: Các Điều Khoản Chung.....	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	9
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	9
Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.....	10
Điều 5. Công ty Quản lý Quỹ.....	10
Điều 6. Ngân hàng giám sát.....	10
CHƯƠNG II: Các Quy Định Về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư.....	10
Điều 7. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF.....	10
Điều 8. Chiến lược đầu tư.....	11
Điều 9. Hạn chế đầu tư.....	14
Điều 10. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	16
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	17
CHƯƠNG III: Nhà Đầu tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu tư Và Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ.....	17
Điều 12. Nhà Đầu tư và tài khoản Nhà Đầu tư.....	17
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư.....	19
Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư.....	20
Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	21
Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản..	25
Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại.....	27
Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ.....	28
CHƯƠNG IV: Đại hội Nhà Đầu tư.....	28
Điều 19. Đại hội Nhà Đầu tư.....	28
Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư.....	29
Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư.....	29
Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.....	30
Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.....	32
CHƯƠNG V: Ban Đại diện Quỹ.....	33
Điều 24. Ban Đại diện Quỹ.....	33
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	33

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ	34
Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	35
Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ.....	36
Điều 29. Đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	36
Điều 30. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ	37
CHƯƠNG VI: Công ty Quản lý Quỹ	37
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	37
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ	37
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ.....	42
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	42
CHƯƠNG VII: Ngân hàng giám sát.....	44
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	44
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát.....	44
Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát.....	45
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát	47
CHƯƠNG VIII: Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan.....	47
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền.....	47
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	47
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	47
Điều 42. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	48
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	49
CHƯƠNG IX: Đại lý phân phối, đại lý ký danh	49
Điều 44. Đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ	49
Điều 45. Hoạt động của đại lý phân phối	50
Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ	51
CHƯƠNG X: Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo.....	53
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	53
Điều 48. Năm tài chính.....	53
Điều 49. Chế độ kế toán	54
Điều 50. Báo cáo tài chính.....	54
Điều 51. Báo cáo khác	54
CHƯƠNG XI: Giá trị Tài sản ròng của Quỹ	54
Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng	54
Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ	55

Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	55
Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, quỹ.....	56
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	56
CHƯƠNG XII: Thu Nhập Và Các Chi Phí Của Quỹ, Phân Chia Lợi Tức.....	57
Điều 57. Thu nhập của Quỹ.....	57
Điều 58. Chi phí của Quỹ.....	57
Điều 59. Phân chia lợi tức	58
CHƯƠNG XIII: Tái Cơ Cấu Quỹ	59
Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....	59
Điều 61. Các điều kiện chia, tách quỹ.....	59
Điều 62. Các điều kiện giải thể quỹ.....	59
CHƯƠNG XIV: Giải Quyết Các Xung Đột Về Lợi Ích	60
Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích.	60
CHƯƠNG XV: Công Bố Thông Tin Và Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ.....	60
Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư.....	60
Điều 65. Sửa đổi, bổ sung điều lệ	61
Điều 66. Đăng ký điều lệ, điều khoản thi hành.....	61
Các Phụ lục Đính Kèm.....	62
Phụ lục 1: Cam Kết Của Công ty Quản lý Quỹ	63
Phụ lục 2: Cam Kết Của Ngân hàng giám sát.....	65
Phụ lục số 3: Cam Kết Chung Của Công ty Quản lý Quỹ Và Ngân hàng giám sát.....	66
Phụ lục 4: Phương Pháp Xác Định Giá trị tài sản của Quỹ VINACAPITAL-VEOF.....	67

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ VINACAPITAL-VEOF và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung Luật Doanh Nghiệp;
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;

- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;
- Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 02 năm 2026; và
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ” hoặc “Quỹ VINACAPITAL-VEOF”	Là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Doanh Nghiệp Hàng Đầu VinaCapital, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Công ty Quản lý Quỹ”	Là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital (sau đây được gọi tắt là “VinaCapital”), được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/04/2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) hoặc bất kể Công ty Quản lý Quỹ nào khác được chỉ định thay thế. Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được ủy thác quản lý Quỹ VINACAPITAL-VEOF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SC”), hoạt động theo Giấy phép thành lập số 56/GP-NHNN do Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) hoặc bất kỳ Ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.

"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VINACAPITAL-VEOF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VINACAPITAL-VEOF và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định.
"Điều lệ Quỹ VINACAPITAL-VEOF"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.
"Nhà Đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội Nhà Đầu tư"	Là đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị Quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ" hoặc "Chứng chỉ Quỹ đầu tư VINACAPITAL-VEOF"	là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu tư đối với một (01) phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá một (01) Chứng chỉ Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công

chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Bản cáo bạch; Giá bán/Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch được quy định tại Bản cáo bạch.

“Mức phòng vệ thanh khoản”	Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Bản cáo bạch. Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại Quy định tại điều lệ này.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị Tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ theo quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ” (Ngày T)	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Điều 15 Điều lệ này và Bản cáo bạch của Quỹ.
“Người Cò Liên Quan”	Được hiểu theo định nghĩa tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14

"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng" Là các dịch vụ được chi tiết tại khoản 20 và 21 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020

"Các định nghĩa khác" Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ

CHƯƠNG I: Các Điều Khoản Chung

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt : **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Doanh Nghiệp Hàng Đầu VinaCapital**

Tên tiếng Anh : **VinaCapital Leading Enterprise Equity Fund**

Tên viết tắt : **VINACAPITAL-VEOF**

Địa chỉ liên hệ : Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535 Fax: (84 – 28) 3827 8536

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ VINACAPITAL-VEOF là Quỹ đại chúng dạng mở mà Chứng chỉ Quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của Nhà Đầu tư.

Đại hội Nhà Đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán gồm tất cả các Nhà Đầu tư, là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ đầu tư chứng khoán.

Ban Đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định là đại diện theo ủy quyền của Quỹ.

Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động Quỹ VINACAPITAL-VEOF do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tài sản của Quỹ VINACAPITAL-VEOF được lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng giám sát.

Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu công chúng của Quỹ là năm mươi bảy tỷ một trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn (57.132.321.000) đồng. Số vốn này được chia thành năm triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm ba mươi hai phẩy một (5.713.232,1) Chứng chỉ Quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.

Nhà Đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.

Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa chứng chỉ quỹ được phát hành trừ khi Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.

Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được báo cáo với UBCKNN.

Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.

Điều 5. Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 31/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 14 tháng 04 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).

Trụ sở chính: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535 Fax: (84 – 28) 3827 8536

Điều 6. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SC"), hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Địa chỉ: Tầng 3, Phóng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường NgọcHà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 3837 8356

CHƯƠNG II: Các Quy Định Về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư

Điều 7. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF

Quỹ thực hiện đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của những công ty đầu ngành trong những lĩnh vực đại diện cho nền kinh tế, có quy mô lớn hoặc có lợi thế cạnh tranh khác biệt.

Mục tiêu của Quỹ là mang lại lợi nhuận vượt trội trong trung và dài hạn cho nhà đầu tư, đồng thời tối ưu hóa mối tương quan giữa lợi nhuận và rủi ro thông qua chiến lược quản lý chủ động và xây dựng danh mục đầu tư một cách kỷ luật.

Điều 8. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, tập trung lựa chọn cổ phiếu của những doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng cao và đang được định giá thấp so với giá trị nội tại của doanh nghiệp.

Quỹ tập trung chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty có vốn hóa lớn và vừa, các công ty đầu ngành, có lợi thế cạnh tranh khác biệt trong những lĩnh vực đại diện cho nền kinh tế.

Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tỷ trọng các ngành nghề và cổ phiếu được điều chỉnh phù hợp với từng chu kỳ kinh tế.

Quỹ kiểm soát rủi ro bằng việc tuân thủ một quy trình đầu tư có kỷ luật, nhằm đạt được mục tiêu đầu tư ở mức rủi ro hợp lý.

8.1 Ngành nghề đầu tư:

Quỹ không bị giới hạn khi đầu tư vào các ngành nghề, và không có chiến lược tập trung vào ngành nào. Tuy nhiên, Quỹ VINACAPITAL-VEOF sẽ đầu tư vào các ngành chủ chốt trong nền kinh tế Việt Nam, có mức độ phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam, và không phụ thuộc nhiều vào biến động kinh tế của các quốc gia ngoài Việt Nam. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF sẽ bao gồm các ngành:

- a) Bảo hiểm - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- b) Thực phẩm - Nước giải khát – Hàng tiêu dùng
- c) Vật liệu - Khai khoáng
- d) Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- e) Tiện ích công cộng
- f) Năng lượng
- g) Dịch vụ Bàn lễ
- h) Dược phẩm – Y tế
- i) Vận tải
- j) Trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại giấy tờ có giá khác

Hàng năm, Người điều hành quỹ sẽ phân tích các ngành nghề để tìm các cơ hội đầu tư, và sẽ ưu tiên các ngành có tiềm năng nhất trong năm đó.

8.2 Cơ cấu đầu tư

- a) Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu

xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.

- b) Quỹ có mục tiêu đầu tư vào danh mục cổ phiếu, với tỷ lệ phân bổ kỳ vọng đến 100% vào cổ phiếu. Tuy nhiên, mức phân bổ kỳ vọng này được xác định trong điều kiện thị trường bình thường và thuận lợi. Tỷ trọng phân bổ tái sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động so với tỷ trọng phân bổ kỳ vọng tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tùy thuộc vào đánh giá của Công Ty Quản Lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm. Thông thường, tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp và phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi và sẽ thấp hơn khi thị trường bất ổn.
- c) Phù hợp với quy định của Pháp Luật và các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho Quỹ và Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể áp dụng chiến lược đầu tư giá trị và tạm thời đầu tư phần lớn hoặc toàn bộ tài sản của Quỹ vào các loại tài sản an toàn và có mức sinh lời ổn định như tiền và các khoản tương đương tiền và/hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn và/hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư đã được đề ra trong Điều Lệ này và mục tiêu thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

8.3 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp

hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật;

Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
 - Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;
 - Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro;
 - Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Quỹ đang nắm giữ tối thiểu năm mươi phần trăm (50%) số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;
- Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ;
- Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động

giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.

- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Điều 9. Hạn chế đầu tư

9.1 Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và công bố tại Bản cáo bạch và phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VEOF bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành
- b) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này;
- c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một (01) tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này của một (01) tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- e) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một (01) nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một (01) công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;
- f) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quỹ không được đầu tư quá

hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, g và h khoản 3 Điều 8 của Điều lệ Quỹ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (01) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ;
- i) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
- j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một (01) quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một (01) công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một (01) quỹ đại chúng, cổ phiếu của một (01) công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- l) Không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một (01) mã chứng quyền có bảo đảm.

9.2 Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm b, c, d, e, f, g và j khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

9.3 Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thông

báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

9.4 Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

9.5 Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

9.6 Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a. Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
- c. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận;
- d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 10. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

10.1 Công ty Quản lý Quỹ không được:

- a) Sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- b) Vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- c) Sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

10.2 Quỹ VINACAPITAL-VEOF được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

11.1 Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá.

Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.

11.2 Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với chứng khoán vốn.

a) VinaCapital xây dựng quy định thẩm định đầu tư bao gồm phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty. Trong đó:

- Phân tích ngành bao gồm phân tích chu kỳ kinh tế, tiềm năng tăng trưởng, lợi nhuận, rủi ro, chính sách của Chính phủ. VinaCapital sẽ lựa chọn những ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt, ít bị tác động của kinh tế vĩ mô, lập danh sách những cổ phiếu tốt trong ngành cho việc lựa chọn công ty sẽ đầu tư.
- Phân tích công ty bao gồm phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh, bộ máy quản trị, tính minh bạch, đánh giá tiềm năng tăng trưởng, đánh giá các chỉ số tài chính.

b) Định kỳ hàng tháng, hàng quý và hàng năm, VinaCapital thực hiện theo dõi, cập nhật thông tin, cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh các công ty đã đầu tư để đưa ra quyết định kịp thời về khoản mục đầu tư đó.

CHƯƠNG III: Nhà Đầu tư, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu tư Và Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ

Điều 12. Nhà Đầu tư và tài khoản Nhà Đầu tư

12.1 Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu. Nhà Đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký.

12.2 Đối với Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, hoặc đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư trên cơ sở giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc Đại lý Phân phối, Đại lý ký danh cung cấp. Nhà Đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:

- a) Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà Đầu tư theo quy định);
- b) Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của Đại lý ký danh theo quy định (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà Đầu tư).

12.3 Trước khi ký hợp đồng cung cấp dịch vụ và mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch cho Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện hoặc yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý ký

danh, Đại lý phân phối tổng hợp và thẩm định thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo các nội dung quy định. Trường hợp yêu cầu thông tin về Nhà Đầu tư không được đáp ứng, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối có quyền từ chối không mở tài khoản, tiểu khoản cho Nhà Đầu tư.

12.4 Tài khoản, tiểu khoản của Nhà Đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số tài khoản giao dịch/ số tiểu khoản giao dịch;
- b) Số lượng Đơn vị Quỹ;
- c) Số lượng Đơn vị Quỹ tăng/giảm, lý do việc tăng/giảm;
- d) Các thông tin cá nhân khác của Nhà Đầu tư theo quy định.

12.5 Việc quản lý tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh phải bảo đảm nguyên tắc sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải mở, quản lý tài khoản độc lập, tách biệt với từng đại lý ký danh và từng Nhà Đầu tư. Đại lý phân phối có trách nhiệm cập nhật thông tin về các hoạt động mở, đóng tài khoản của Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- b) Đại lý ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt với từng Nhà Đầu tư. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính;
- c) Đại lý ký danh phải cung cấp thông tin về tiểu khoản của từng Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan; thường xuyên đối chiếu, soát xét bảo đảm số dư trên tiểu khoản phù hợp với số liệu, thực trạng sở hữu của Nhà Đầu tư đó tại sổ chính. Quy định này không áp dụng đối với đại lý ký danh ở nước ngoài.

12.6 Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu tư.

12.7 Trước khi mở tài khoản, tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà Đầu tư nước ngoài, phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với Nhà Đầu tư ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện giao dịch thông qua tài khoản ký danh của đại lý ký danh ở nước ngoài.

12.8 Trước khi mở tài khoản ký danh, đại lý ký danh ở nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của Nhà Đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

12.9 Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đại lý ký danh phải cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác mã số giao dịch chứng khoán và trạng thái sở hữu của Nhà Đầu tư nước ngoài và cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu bằng văn bản. Quy định này không áp dụng cho đại lý ký danh ở nước ngoài mở tài khoản ký danh theo quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

13.1 Nhà Đầu tư có quyền:

- a) Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ;
- d) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- e) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
- f) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
- g) Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- h) Quyền tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- i) Tự ứng cử và/ hoặc đề cử thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điều khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này;
- j) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ.

13.2 Nhà Đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- c) Điền đầy đủ và hợp lệ các phiếu đăng ký, phiếu lệnh và cung cấp các chứng từ cần thiết khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ và/ hoặc các giao dịch khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc theo quy định của pháp luật.
- d) Kịp thời cập nhật cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và đại lý phân phối có liên quan những thay đổi thông tin cá nhân của Nhà Đầu tư.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ.

13.3 Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- b) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà Đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban Đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà Đầu tư;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

13.4 Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

13.5 Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư

14.1 Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư.

14.2 Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
- b) Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;

- c) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu tư; số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- d) Số tài khoản; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
- e) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
- f) Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu tư.

14.3 Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên sổ chính, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

15.1 Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VEOF

15.1.1 Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Ngày giao dịch là ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, các ngày làm việc bù rơi vào Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) được thông tin chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ thì việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

Trong trường hợp tăng tần suất giao dịch định kỳ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện công bố tại Bản cáo bạch và báo cáo để Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua; trong trường hợp giảm tần suất giao dịch phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua theo quy định.

15.1.2 Lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc được gửi tới Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đăng ký giao dịch tại mọi đại lý phân phối đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

15.1.3 Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo quy định. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch

trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

15.1.4 Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được thực hiện vào kỳ giao dịch kế tiếp trừ khi Nhà đầu tư có chỉ thị khác.

15.1.5 Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch theo đúng quy định.

15.1.6 Thời điểm đóng sổ lệnh không muộn quá 14 giờ 40 phút tại ngày làm việc gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt.

15.1.7 Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và đại lý phân phối, đại lý ký danh phải có sổ lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư theo đúng quy định.

15.1.8 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở và có quy định tại điều lệ và Bản cáo bạch các quỹ, Nhà Đầu tư được chuyển đổi quỹ. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Lệnh bán đối với chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
- b) Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các Quỹ tương ứng;
- c) Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi theo quy định tại Điều lệ Quỹ và/ hoặc Bản cáo bạch, không phải thanh toán giá dịch vụ mua, giá dịch vụ bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này;
- d) Việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ giữa các Quỹ và các chương trình đầu tư khác nhau được thực hiện theo quy định công bố tại Bản cáo bạch và tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ tại từng thời điểm;

15.1.9 Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định.

15.1.10 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các đại lý cung cấp dịch vụ xây dựng quy trình và thủ tục thực hiện các lệnh mua, bán, chuyển đổi, thời điểm đóng sổ lệnh, phương thức thanh toán theo đúng quy định và được công bố trong Bản cáo bạch và/ hoặc quy trình giao dịch đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

15.1.11 Giá trị mua tối thiểu, số lượng đăng ký bán tối thiểu và số lượng chứng chỉ tối thiểu duy trì trong tài khoản sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định và được quy định và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.

15.1.12 Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại; việc thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại được trình bày tại Bản cáo bạch.
- Nhà Đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
- Nhà Đầu tư/ người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

15.1.13 Trước thời điểm phân bổ kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ, nếu đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối phải thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.

15.1.14 Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.

15.2 Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ

15.2.1 Việc thực hiện lệnh mua của Nhà Đầu tư, đại lý ký danh phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a) Lệnh mua của Nhà đầu tư gửi kèm xác nhận việc Nhà Đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ mở tại Ngân hàng giám sát hoặc Ngân hàng giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, Đại lý ký danh trong thời hạn quy định. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận;
- b) Đại lý ký danh thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và đại lý ký danh;
- c) Nhà Đầu tư/ người được Nhà Đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu tư thì phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó và giá trị thanh toán;
- d) Giá trị giao dịch của lệnh mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu được công bố tại Bản cáo bạch;
- e) Số lượng Đơn vị Quỹ bán cho Nhà Đầu tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

15.2.2 Công ty Quản lý Quỹ mở tài khoản tiền của Quỹ tại Ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, đại lý ký danh. Đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát theo quy định để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.

15.2.3 Tiền mua Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của quỹ tại Ngân hàng giám sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho quỹ, với lãi suất tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang áp dụng, kể từ ngày quỹ nhận được tiền mua Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu tư.

15.3 Lệnh bán chứng chỉ Quỹ

15.3.1 Việc thực hiện lệnh bán của Nhà Đầu tư hoặc đại lý ký danh phải tuân thủ nguyên tắc sau:

- a. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối, đại lý ký danh hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà Đầu tư có đủ số lượng Đơn vị Quỹ để bán theo yêu cầu, và số lượng Đơn vị Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tài khoản, tiểu khoản được công bố tại Bản cáo bạch;
- b. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Quỹ;
- c. Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản cáo bạch;
- d. Thời hạn thanh toán không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ Quỹ và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

15.3.2 Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 15.3.1 như trên, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu tư.

15.3.3 Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ và phải báo cáo Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất;
- b. Được Nhà Đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
- c. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán tối thiểu năm mươi (50) tỷ đồng;
- d. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ.

15.3.4 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản 15.3.3 Điều này.

Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản

16.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; hoặc
- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu tư đã được quy định tại và công bố tại Bản cáo bạch; hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số Đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt và công bố tại Bản cáo bạch; hoặc
 - Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và được công bố tại Bản cáo bạch.

16.2 Việc thực hiện một phần các lệnh theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện phần lệnh bị hủy, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy dở tại Ngày giao dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản sẽ không áp dụng trong trường hợp các lệnh chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này.

16.3 Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

16.4 Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc
- b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ; hoặc

- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xét thấy là cần thiết.

16.5 Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

16.6 Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

16.7 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

16.8 Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

16.9 Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều này chấm dứt, các Lệnh mua, Lệnh bán và Lệnh chuyển đổi đã được nhận trước thời điểm tạm dừng giao dịch sẽ được thực hiện tại Ngày giao dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức Giá trị tài sản ròng của Ngày giao dịch đó.

16.10 Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:

- a) Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với Nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ;
- b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày giao dịch. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là hai phần trăm (2%) của Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày giao dịch tương ứng. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối;
- c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là một (01) ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ và thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản;

- d) Công ty Quản lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ, thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt;
- e) Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 17. Giá phát hành lần đầu, giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại

17.1 Giá phát hành lần đầu của một Đơn vị Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quy định và đã được công bố tại Bản cáo bạch.

17.2 Giá bán/giá phát hành một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ, bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.

17.3 Giá mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại. Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.

17.4 Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ chuyển đổi được phép quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.

17.5 Ngoại trừ các khoản giá dịch vụ do quỹ phải trả theo quy định tại Điều lệ Quỹ, giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại (nếu có), giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Nhà Đầu tư không phải trả bất kỳ các khoản giá dịch vụ nào khác cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức được ủy quyền, đại lý phân phối khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

17.6 Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa quy định tại khoản 4 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty và/ hoặc tổ chức phân phối.

17.7 Toàn bộ giá dịch vụ phát hành lần sau, giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ còn lại sau khi thanh toán chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và đại lý ký danh căn cứ trên hợp đồng phân phối, phần còn lại sẽ được chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của pháp luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư; xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Việc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ do thừa kế sẽ tuân theo quy trình chuyển nhượng phi thương mại tại Điểm 12 Khoản 1 Điều 15 Điều lệ này.

CHƯƠNG IV: Đại hội Nhà Đầu tư

Điều 19. Đại hội Nhà Đầu tư

19.1 Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ VINACAPITAL-VEOF và tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong danh sách chốt quyền tham dự đại hội đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư. Đại hội Nhà đầu tư sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

19.2 Đại hội Nhà đầu tư thường niên của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên thì Đại hội Nhà Đầu tư thường niên do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Việc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

19.3 Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

19.4 Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.

19.5 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng

giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư bao gồm

- a) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
- b) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
- c) Quyết định việc chia, tách quỹ, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
- d) Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
- f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
- g) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- h) Các quyền khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

21.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước khi tiến hành đại hội.

21.2 Nhà Đầu tư có thể tham gia và biểu quyết trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

21.3 Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

21.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không lệ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.

21.5 Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà Đầu tư:

- a) Đại hội Nhà Đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có). Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội Nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- b) Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quỹ chỉ định một thành viên đứng ra chủ trì.

21.6 Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

21.7 Thể thức, hình thức họp của Đại hội Nhà Đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

22.1 Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.

22.2 Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

22.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản:

- a) Công ty Quản lý Quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Nhà đầu tư bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nhà Đầu tư.
- b) Công ty Quản lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm qua đường bưu điện và/hoặc thư điện tử đến địa chỉ được đăng ký của từng Nhà Đầu tư.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư hoặc đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ.
- d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư là pháp nhân.
- e) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu Tư) các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
- f) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
 - Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập của Công ty;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số Nhà Đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo Phụ lục danh sách Nhà Đầu tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;
- g) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- h) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và của UBCKNN trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm phiếu;
- i) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư.

22.4 Trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ này, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

22.5 Đối với các nội dung quy định tại điểm b và c Điều 20 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

22.6 Trường hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này, quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại khoản 4 hoặc khoản 5 Điều này

22.7 Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.

22.8 Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

22.9 Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.

22.10 Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VinaCapital.

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

23.1 Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản b và c Điều 20 có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

23.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V: Ban Đại diện Quý

Điều 24. Ban Đại diện Quý

24.1 Ban Đại diện Quý có từ ba (03) thành viên đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quý là thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quý không quá năm (05) năm, các thành viên Ban Đại diện Quý có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn. Ban đại diện nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quý mới được bầu và tiếp quản công việc.

24.2 Trong Ban Đại diện Quý phải có:

- a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

24.3 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại diện Quý hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, Ban Đại diện Quý có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quý cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban Đại diện Quý, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

24.4 Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện Quý phải tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quý

25.1 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quý:

- a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

25.2 Thành viên Ban Đại diện Quý không nhất thiết phải sở hữu Chứng chỉ Quý.

25.3 Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) Ban Đại diện Quý thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quý đầu tư.

25.4 Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện quý:

- a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
- b) Là thành viên của trên năm (05) Ban Đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

26.1 Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ bao gồm:

- a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu tư;
- b) Phê duyệt sổ tay định giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 8 Điều lệ này;
- c) Chấp thuận các giao dịch vào tài sản được phép đầu tư của Quỹ theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ). Chấp thuận của Ban đại diện quỹ phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

Chấp thuận của Ban đại diện quỹ đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch, và giao dịch phải được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công ty Quản lý Quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định;

- d) Phê duyệt các giao dịch tài sản của quỹ với thành viên Ban Đại diện Quỹ. Trong trường hợp này, thì thành viên có giao dịch liên quan không được tham gia biểu quyết;
- e) Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, và cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- f) Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ.

26.3 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

26.4 Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban Đại diện Quỹ được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Ban Đại diện Quỹ được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ căn cứ vào số ngày dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập không thường xuyên của thành viên Ban Đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đã bao gồm các khoản chi phát sinh khi điều hành và/ hoặc tham gia các buổi họp Ban Đại diện Quỹ;
- c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của quỹ và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.

26.5 Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ đồng thời là nhân sự của Công ty Quản lý Quỹ.

26.6 Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Ban Đại diện Quỹ liên quan tới các nội dung quy định tại điểm b, c Điều 20 Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ trong các trường hợp và theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.

26.7 Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ:

- a) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ Quỹ.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
- c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

27.1 Đại hội Nhà Đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

27.2 Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quý;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quý;
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quý.

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quý

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quý được Chủ tịch Ban Đại diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quý. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quý theo nguyên tắc đa số. Việc bầu lại thành viên Ban Đại diện Quý thay thế sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế thành viên Ban Đại diện Quý

29.1 Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

29.2 Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại diện Quý trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quý;
- c) Bị khởi tố hoặc truy tố;
- d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quý do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

29.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quý; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

29.4 Ban Đại diện Quý phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quý trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Ban Đại diện Quý bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Quý. Trường hợp này, Ban Đại diện Quý phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
- b) Số lượng thành viên độc lập Ban Đại diện Quý giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Quý.

- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội Nhà Đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 30. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

30.1 Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập cuộc họp Ban Đại diện Quỹ bất thường.

30.2 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên).

30.3 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một (01) phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

30.4 Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua theo nguyên tắc quá bán. Trong mọi trường hợp quyết định của Ban Đại diện Quỹ chỉ được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên độc lập thông qua.

30.5 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG VI: Công ty Quản lý Quỹ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- b) Độc lập với Ngân hàng giám sát;
- c) Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

32.1 Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.

- b) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:
- i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;
 - ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho Ngân hàng giám sát để tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát;
 - iii. Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - iv. Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty Quản lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng Công Ty Lưu ký Và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ.
 - vi. Thực hiện việc đầu tư và lưu ký tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quỹ đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

- c) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.
- d) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- i. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ;
 - iii. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ.
- e) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.
- f) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- g) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ Quỹ.
- h) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

- i) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quý do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty Quản lý Quỹ hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quý, Nhà Đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- j) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quý trong các trường hợp quy định tại điểm i khoản này.
- k) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- l) Việc sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- m) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quý, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
 - i. Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quý; và
 - ii. Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quý.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ đó được thành lập; quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng.
- n) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quý, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quý và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- o) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.
- p) Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm:

- i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

32.2 Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Điều lệ Quỹ;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Có quyền nhận phí quản lý quỹ và thưởng theo hoạt động phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;
- e) Có quyền hoạt động kinh doanh chứng khoán và cung cấp các dịch vụ có liên quan đến chức năng quản lý quỹ theo quy định pháp luật hiện hành;
- f) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư như được quy định tại Điều lệ này, do đó thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- g) Tham gia Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của Điều lệ Quỹ;
- h) Được quyền yêu cầu Nhà Đầu tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công ty Quản lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà Đầu tư nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công ty Quản lý Quỹ và theo pháp luật hiện hành;
- i) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với các đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ;
- j) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ;

- k) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản cáo bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư và/ hoặc Ban Đại diện Quỹ);
- l) Quyết định mức giá dịch vụ mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

33.1 Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình theo các quy định của Điều lệ Quỹ;
- b) Theo yêu cầu của Đại hội Nhà Đầu tư;
- c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
- d) Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
- e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

33.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

33.3 Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

34.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát của Quỹ, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý.

34.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các Ngân hàng này và ngược lại.

34.3 Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như với các Nhà đầu tư khác theo quy định.

34.4 Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.

34.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.

34.6 Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quý thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quý do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thưởng đã được nêu rõ trong Điều lệ Quý.

34.7 Công ty Quản lý Quỹ sẽ không được:

- a) Sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào chính Quý;
- b) Sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào các quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
- c) Sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- d) Sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
- e) Sử dụng tài sản của Quý để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác; Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty Quản lý Quỹ, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào khác;
- f) Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quý để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ, đầu tư vào tổ chức kinh tế là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kinh tế là Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ.
- g) Cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty Quản lý Quỹ; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

34.8 Công ty Quản lý Quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.

34.9 Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
- b) Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

34.10 Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

34.11 Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG VII: Ngân hàng giám sát

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

36.1 Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

- g) Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

36.2 Quyền của Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được quyền nhận các loại giá dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- b) Được quyền tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ.
- c) Ngân hàng giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính trong và ngoài nước có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký các tài sản trong nước và ở nước ngoài của Quỹ theo quy định của pháp luật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động ủy quyền này. Việc ủy quyền và thực hiện ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 37. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

37.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng của Quỹ, kiểm tra, bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
- b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tái sản giữa quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- e) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- f) Xác nhận các báo cáo về Giá Trị Tài Sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.

37.2 Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

37.3 Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.

37.4 Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.

37.5 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

37.6 Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
- b) Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ;
- c) Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể, bị chia, bị tách;
- d) Quỹ bị sáp nhập hoặc bị hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- e) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ thuê Nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Bản Điều Lệ này và luật pháp liên quan.

Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:

- a) Hoạt động Đại lý chuyển nhượng;
- b) Hoạt động quản trị Quỹ đầu tư;
- c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Nhà cung cấp dịch vụ cần đạt các điều kiện sau:

- a) Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
- b) Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
- c) Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
- d) Am hiểu về luật pháp có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
- e) Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ.
- f) Nhà cung cấp dịch vụ phải sẵn sàng cho hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

41.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền;

- a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;

- b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa tổ chức ủy quyền và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

41.2 Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký cho hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của pháp luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho Bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tái chính ở nước sở tại;
- b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại điểm a và b Điều 39 Điều lệ này, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của mỗi quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;
- d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của công ty quản lý;
- e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định (nếu có).

Điều 42. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

42.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ;

42.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

42.3 Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

42.4 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

42.5 Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

42.6 Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư;

42.7 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

42.8 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

43.1 Quyền và nghĩa vụ tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;
- b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại điều 41.2 và theo đề nghị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ;
- d) Các trường hợp khác theo hợp đồng ủy quyền và theo quy định của pháp luật.

43.2 Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Điều lệ này, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác được chấp thuận của Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG IX: Đại lý phân phối, đại lý ký danh

Điều 44. Đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ

44.1 Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối:

- a) Là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với Công ty Quản lý Quỹ.
- b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở;
- c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa

hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ, lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai chứng chỉ quỹ theo thông lệ quốc tế;

- d) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ;
- e) Tại mỗi địa điểm có tối thiểu hai (02) nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;

44.2 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 11 Điều 46 của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của Đại lý phân phối. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên giám sát đảm bảo hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ của Đại lý phân phối là phù hợp với điều khoản tại hợp đồng phân phối.

44.3 Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu tư về các đại lý phân phối thay thế. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công ty Quản lý Quỹ và Nhà Đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

44.4 Công ty Quản lý Quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 45. Hoạt động của đại lý phân phối

45.1 Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:

- a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu

trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

- c) Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
- d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tái khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
- e) Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư;
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

45.2 Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.

45.3 Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

46.1 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.

46.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

46.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường

46.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.

46.5 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

46.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá một (01) triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một (01) chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.

46.7 Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.

46.8 Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

46.9 Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

46.10 Phương tiện để Đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.

46.11 Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng, Đại lý phân phối phải đảm bảo:

- a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
- b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;

- c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
- d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của Nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
- e) Đảm bảo Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính Đại lý phân phối;
- f) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 45 của Điều Lệ này, khoản 5 và 6 Điều này;
- g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho Nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;
- h) Đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Quỹ và đảm bảo Nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ;
- i) Công ty Quản lý Quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý phân phối.

CHƯƠNG X: Kiểm Toán, Kế Toán Và Chế Độ Báo Cáo

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất Công ty Kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét và lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- b) Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm;
- c) Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 48. Năm tài chính

48.1 Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ/ Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

48.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ/ Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 49. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán áp dụng cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 50. Báo cáo tài chính

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên/ các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo tổng kết hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà Đầu tư có thể tham khảo.

Điều 51. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI: Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

Điều 52. Xác định giá trị tài sản ròng

Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Sổ tay định giá, danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị Tài sản ròng.

Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp với sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào các ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo chi tiết tại Điều 15 và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, các ngày làm việc bù rơi vào

ngày Thứ Bảy và/hoặc Chủ Nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày gần nhất trước Ngày định giá, hoặc giá thị trường có biến động theo quy định tại sổ tay định giá, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định chi tiết tại Phụ lục 4 của Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ. Sổ tay định giá do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ

Quy trình định giá tài sản Quỹ như sau:

- a) Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho Ngân hàng giám sát thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng, thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- b) Ngân hàng giám sát xác nhận Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và giá trị ròng trên một Đơn vị Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị Tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản ròng.
- c) Trong thời hạn quy định, kể từ ngày phát hiện Giá trị Tài sản ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, quỹ

55.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng trở lên;

55.2 Trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

55.3 Trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư và cho quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, trừ chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 55.2, điểm a khoản 55.3 Điều này được hạch toán vào Quỹ.

55.4 Trường hợp mức đền bù cho mỗi Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm 2 và 3 Điều này nhỏ hơn một trăm nghìn (100.000) đồng, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quỹ thay vì thanh toán cho Nhà Đầu tư.

55.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và/ hoặc Điều lệ Quỹ có liên quan.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

56.1 Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.

- c) Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

56.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: khi có một trong những tiêu chí sau:

- a) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- b) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá trở thành Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
- c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

CHƯƠNG XII: Thu Nhập Và Các Chi Phí Của Quỹ, Phân Chia Lợi Tức

Điều 57. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

- a) Cổ tức;
- b) Lợi tức trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi hoặc các sản phẩm có thu nhập cố định;
- c) Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư và thoái vốn của Quỹ;
- d) Các khoản thu nhập khác.

Điều 58. Chi phí của Quỹ

58.1 Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ: Giá dịch vụ quản lý được tính bằng một phẩy bảy mươi lăm phần trăm (1,75%) trên Giá trị tài sản ròng ("GTTSR") của Quỹ và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ thu hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý của kỳ định giá = (1,75% x GTTSR tại ngày trước Ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ) / 365 (hoặc 366)

58.2 Chi phí thường hoạt động: Quỹ VINACAPITAL-VEOF không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

58.3 Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá và được trả hàng tháng. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- a) Giá dịch vụ giám sát là không phẩy không ba phần trăm (0,03%) trên GTTSR một (01) năm, tối thiểu là hai mươi ba triệu (23.000.000) đồng một (01) tháng.
- b) Giá dịch vụ lưu ký là không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) trên GTTSR một (01) năm, tối thiểu là mười chín triệu (19.000.000) đồng một (01) tháng.

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng ("VAT"), các chi phí ngoài thông thường bao gồm nhưng không giới hạn như giá dịch vụ thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư.

58.4 Giá dịch vụ giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:

- a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là một trăm năm mươi nghìn (150.000) đồng trên một (01) giao dịch mua/bán chứng khoán chưa bao gồm VAT;
- b) Giá dịch vụ giao dịch khác: bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tái sản của quỹ khác.

58.5 Giá dịch vụ trả cho tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng được chi tiết tại Bản cáo bạch.

58.6 Giá dịch vụ kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

58.7 Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.

58.8 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.

58.9 Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ quản trị quỹ không được vượt quá hai phần trăm (2%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

58.10 Các chi phí khác liên quan đến Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật

Điều 59. Phân chia lợi tức

59.1 Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư theo chính sách phân phối lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

59.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

59.3 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

59.4 Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau: Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của

pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai tại Bản cáo bạch và trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

59.5 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

59.6 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
- b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
- d) Giá trị tái sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tái sản ròng của Quỹ

59.7 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận Quỹ, phân chia tái sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

59.8 Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

CHƯƠNG XIII: Tái Cơ Cấu Quỹ

Điều 60. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và được UBCKNN chấp thuận.

Điều 61. Các điều kiện chia, tách quỹ

Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và đáp ứng các quy định sau:

- a) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Chứng khoán;
- b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi Ngân hàng giám sát.

Điều 62. Các điều kiện giải thể quỹ

62.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
- d) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
- e) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;

62.2 Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: Giải Quyết Các Xung Đột Về Lợi Ích

Điều 63. Kiểm soát xung đột lợi ích.

63.1 Công ty Quản lý Quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ:

- a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
- c) Các quy định khác tại điều 31 và 34.5 của Điều lệ Quỹ này.

63.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

63.3 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV: Công Bố Thông Tin Và Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

Điều 64. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại diện Quý được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại diện Quý nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản, bằng đường bưu điện hoặc bằng thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại diện Quý đã thông báo cho Quý.

Mọi thông báo và/hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu tư sẽ do Công ty Quản lý Quý gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu tư đăng ký. Đồng thời, mọi thông báo và tài liệu gửi qua hình thức thư điện tử được xem là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư đã đăng ký với Quý. Nhà Đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty Quản lý Quý biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.

Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu tư đăng ký.

Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành quý nhận.

Công ty Quản lý Quý thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 65. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

65.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quý phải được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quý phải báo cáo UBCKNN.

65.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong Điều lệ Quý hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ Quý thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quý.

Điều 66. Đăng ký điều lệ, điều khoản thi hành

Bản Điều lệ này bao gồm mười lăm (15) Chương, sáu mươi sáu (66) Điều và bốn (04) Phụ lục được Đại hội Nhà Đầu tư của Quý thông qua ngày 06 tháng 05 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ này được lập thành ba (03) bản chính có giá trị pháp lý như nhau bằng tiếng Việt Nam, trong đó:

- a) Một (01) bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- b) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Công ty Cổ phần Quản lý Quý VinaCapital
- c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Các Phụ lục Đính Kèm

Phụ lục 1: Cam Kết Của Công ty Quản lý Quỹ

Phụ lục 2: Cam Kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục 3: Cam Kết Chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ VINACAPITAL-VEOF

Phụ lục 1: Cam Kết Của Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (VinaCapital)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008 (được sửa đổi và bổ sung qua từng giai đoạn).

VinaCapital cam kết thực hiện các điều sau đây:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một (01) Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản má chính VinaCapital hoặc những người có liên quan đến VinaCapital có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của VinaCapital trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của VinaCapital cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được VinaCapital hoặc người đại diện VinaCapital công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa VinaCapital và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

Tổng Giám Đốc của Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital



Brook Colin Taylor

Phụ lục 2: Cam Kết Của Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SC”).

- Giấy phép thành lập số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát



Nguyễn Thuỳ Linh
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung Của Công ty Quản lý Quỹ Và Ngân hàng giám sát

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (VinaCapital)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008 (được sửa đổi và bổ sung qua từng giai đoạn)

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SC")

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.

VinaCapital và SC cùng cam kết:

1. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu tư;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện VinaCapital



Brook Colin Taylor

Tổng Giám đốc

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát



Nguyễn Thùy Linh
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

Phụ lục 4: Phương Pháp Xác Định Giá trị tài sản của Quỹ VINACAPITAL-VEOF

1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1.1 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ và cập nhật với Ban đại diện Quỹ mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- c) Không phải là Người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.

1.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:

- a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- b) Tổ chức đang báo giá trở thành là Người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.
- c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

2. Phương pháp định giá tài sản:

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
		được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu, hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường vượt quá +/- 0,3% so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch	<p>Giá trái phiếu được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
8.	Trái phiếu bị huỷ niêm yết theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán do gần đến ngày đáo hạn hoặc do tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước ngày đáo hạn (đáo hạn sớm), áp dụng cho trái phiếu niêm yết	Giá trái phiếu sẽ được xác định là mệnh giá cộng lãi lũy kế.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
	và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch	
9.	Trái phiếu bị huỷ niêm yết hoặc huỷ đăng ký giao dịch vì các lý do khác, áp dụng cho trái phiếu niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch	Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
10.	Trái phiếu không niêm yết	Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết thứ tự ưu tiên được quy định tại Sổ tay định giá: <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
11.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau với quy định chi tiết tại sổ tay định giá: <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá: <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
	dịch	<p>bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	<p>Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	<p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
16.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và được Ban đại diện quỹ phê duyệt. Trường hợp không có đủ báo</p>

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
		<p>giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với quy định chi tiết tại Sổ tay định giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc (ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc (iii) Giá trị sổ sách; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
17.	Cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên	Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.
Chứng chỉ quỹ		
18.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin của UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc; (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
19.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
20.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
21.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
		Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
22.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định theo một trong các phương pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
24.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua cổ phiếu là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
25.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- (i) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- (ii) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

(iii) Giá trị thanh lý của một (01) cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;

(iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam...) để tham khảo;

(v) Tổ chức báo giá đối với cổ phiếu là các công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;

(vi) Ngày tại Phụ lục này được hiểu là ngày theo lịch.

3. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

3.1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế;

3.2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở;

Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán;

Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (*) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta (**)
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (***) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

(**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(***) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).